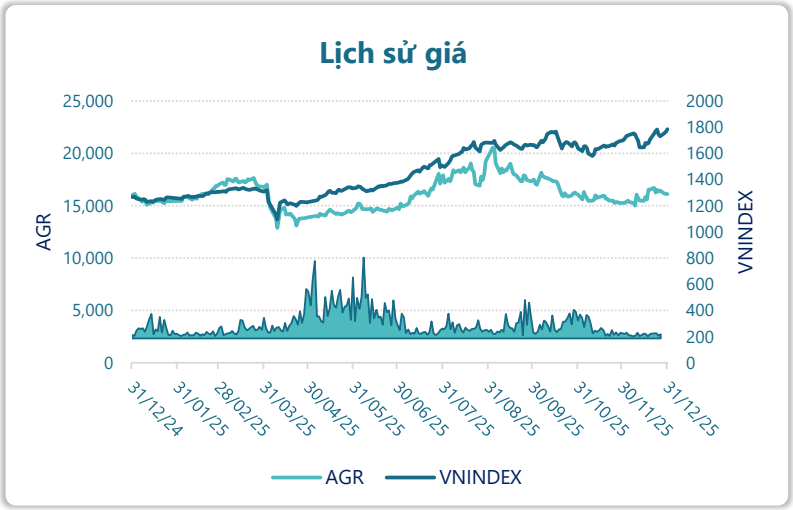
FireAnt

CTCP Chứng khoán Agribank (HSX: AGR)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**16,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	20,550
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,877
SL cổ phiếu LH	228,311,776
KLGD BQ 20 phiên (CP)	824,890
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,676
P/E	25.9
EPS	621

DT thuần

Q4/25

1.97

tỷ VNĐ

QoQ: ▼30.6| -94.0%

YoY: ▼15.3| -88.6%

LN sau thuế

Q4/25

0.02

tỷ VNĐ

QoQ: ▼8.26| -99.8%

YoY: ▼2.12| -99.1%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

920%

+/- YoY: ▼ 44.0%

DT thuần

2025

52.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.30| 15.9%

LN sau thuế

2025

39.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 19.4| 98.7%

ROE

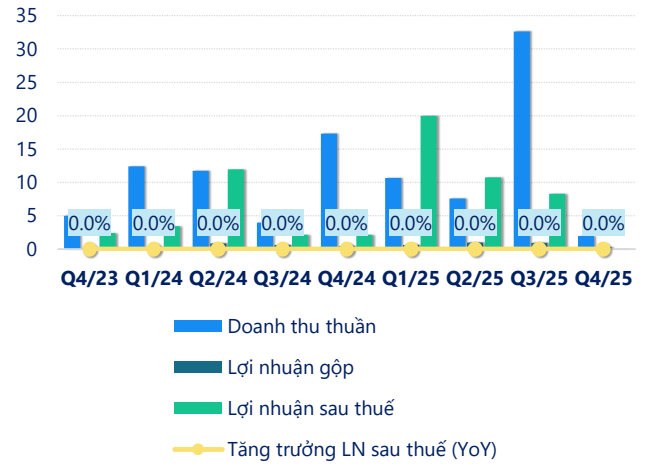
2025

#VALUE!

#VALUE!

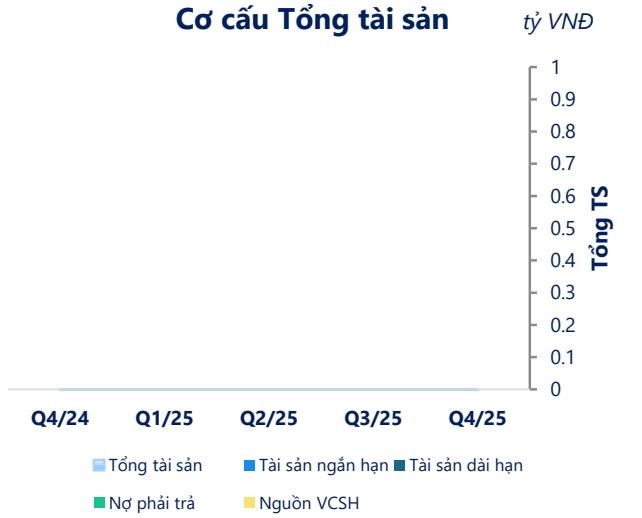
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



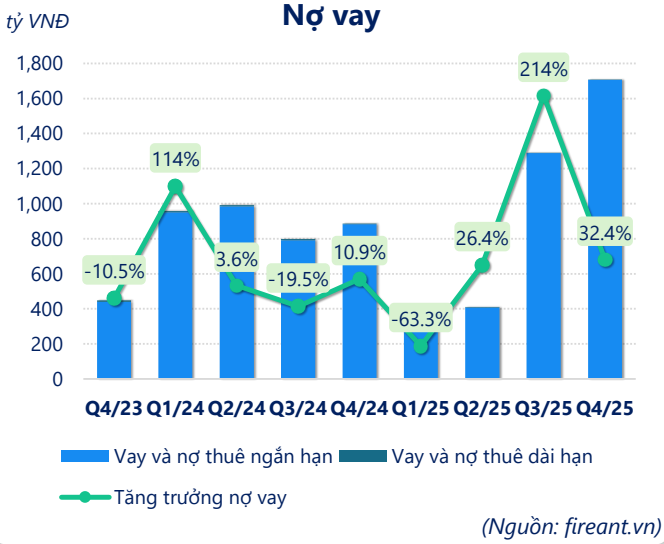
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



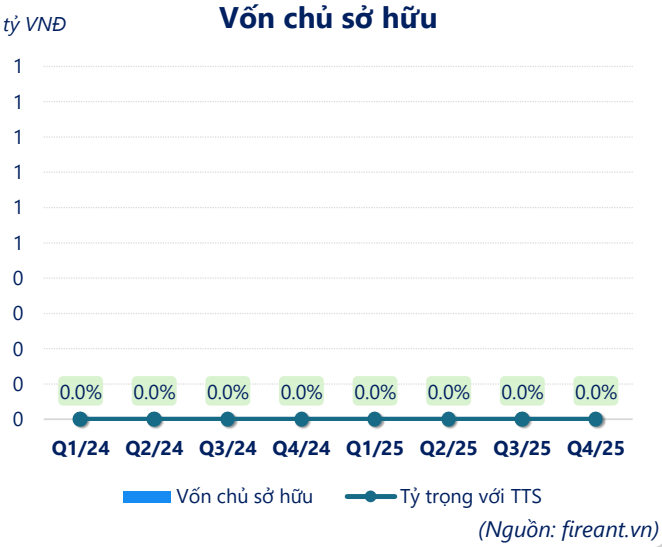
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



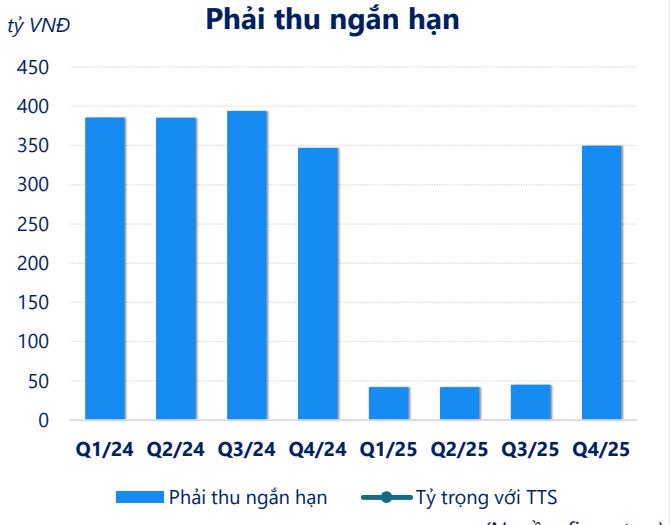
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



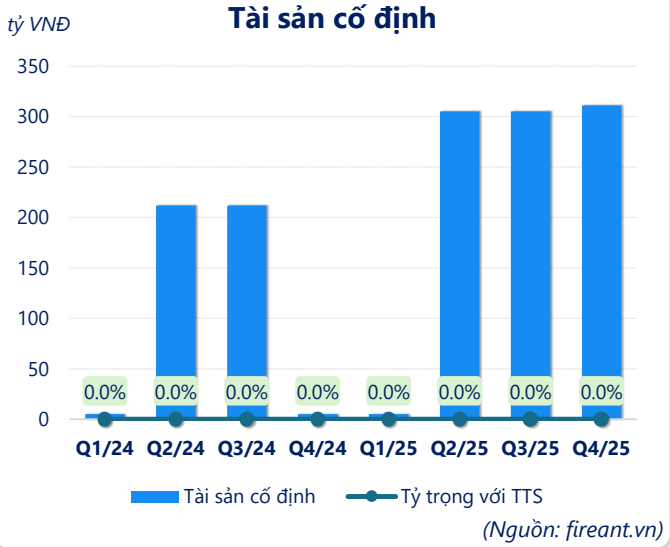
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



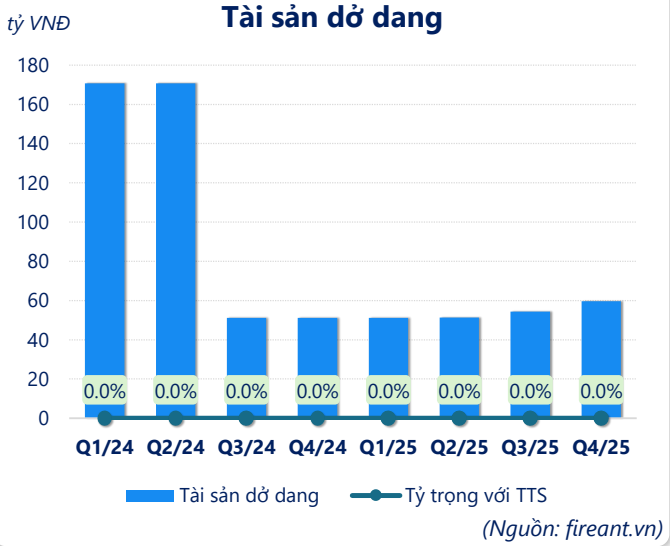
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



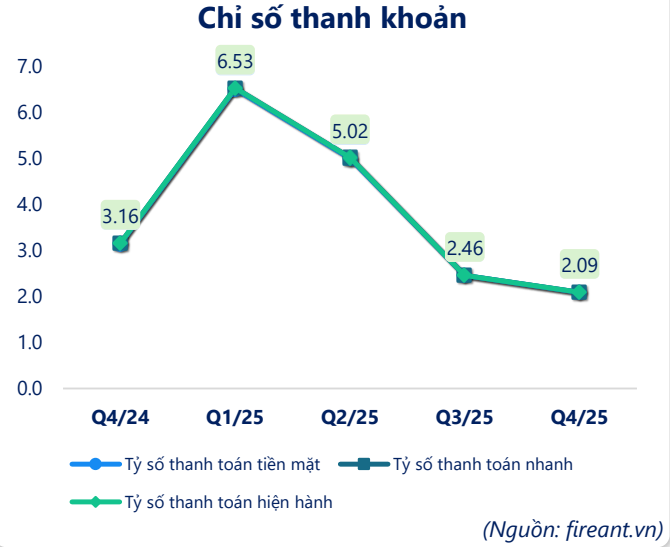
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



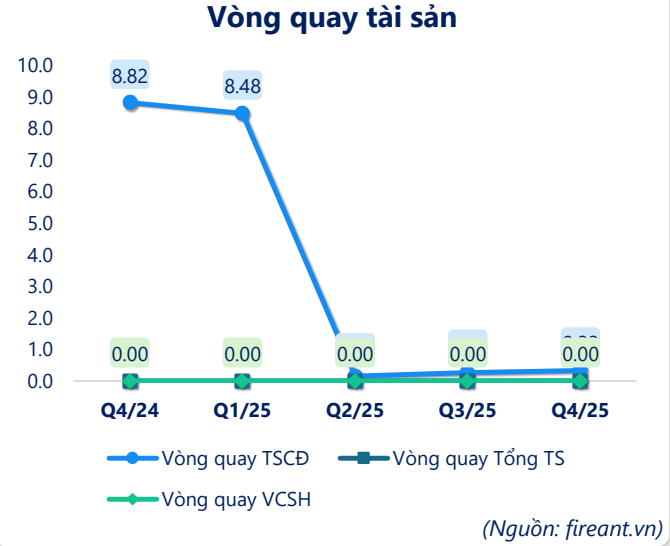
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Tài sản ngắn hạn	**3,245**	**2,645**	**2,418**	**3,381**	**3,898**
Tiền và tương đương tiền	3,234	2,636	2,409	3,376	3,892
Đầu tư tài chính ngắn hạn	260	125	170	190	125
Phải thu ngắn hạn	347	42.1	42.2	45.2	350
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn	**8.89**	**5.87**	**6.39**	**2.82**	**4.24**
Phải thu dài hạn	0	0	0.79	0	0
Tài sản cố định	5.15	5.15	305	305	311
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	51.2	51.2	51.4	54.4	59.7
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.07	0.12	0.11	0.11	0.11
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,030**	**408**	**485**	**1,376**	**1,866**
Nợ ngắn hạn	**1,026**	**405**	**482**	**1,374**	**1,864**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	883	322	408	1,288	1,706
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	3.40	2.77	2.62	2.32	1.91
Nguồn vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Vốn điều lệ	0	0	0	0	0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)